

當日市場：HNX-Index 接近 2018 年的頂部

2020/03/05

市場走勢

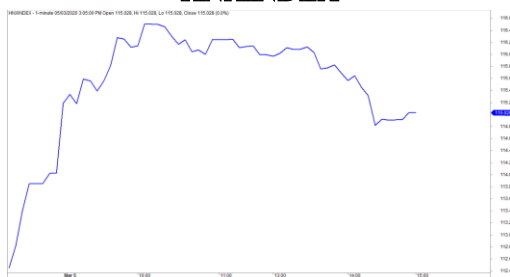
市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	893.31	115.03	55.45
%日	0.44%	0.89%	-0.16%
%週	-0.57%	5.28%	-0.13%
%月	-3.52%	11.47%	0.43%
%年	-9.99%	6.27%	-0.95%
<b>成交值(十億盾)</b>			
當日	3,518	1,320	263
日均量/週	3,885	987	315
日均量/月	3,571	610	332
<b>外資進出</b>			
買進	432.73	10.59	46.85
賣出	443.28	314.04	22.51
買賣超	-10.55	-303.44	24.34
<b>市場漲跌家數</b>			
上漲	149	70	157
下跌	145	66	88
持平	96	236	658
<b>市場指標</b>			
P/E	13.75	9.45	14.76
總市值 (兆盾)	3,051	211	876
股息殖利 率	2.62%	5.64%	5.09%

資料源: Bloomberg - YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



市場走勢

在副總統 Joe Biden 贏得大選前一天晚上，DJIA 平均指數飆漲，美國股市上漲。越南股市開盤時也強勁上漲，但在高價出現劇烈震盪。VN-Index 收於 893.31 點，上漲 0.44%。HNX-Index 上漲 0.88%，收於 115.03 點，而 Upcom-Index 則小幅下跌。三大市場的交易價值保持在良好的水平，達 4 兆 3,000 億盾，表明現金流積極參與。

藍籌股繼續保持積極的分歧狀況，尤其是最近的跳水的股票已經強勁恢復。詳細而言，MSN (+3.9%)，POW (+2.4%)，SSI (+3.4%) 以及 VPB (+2.6%)，VCB (+1.7%) 均獲得積極的漲勢。證券股連續第二盤上漲，其中包括 SSI (+3.4%)，HCM (+2.3%)，VCI (+1.5%)。VJC 也取得 1.4% 的漲幅，價格圖表從 119,000 盾積極回漲。同業的股票也有良好的漲勢，如 SCS (+7%)，HVN (+6.4%)，ACV (+4.6%)。

在 HNX 上，SHB (+7.5%) 收於 12,900 盾，這是該股票連續第 11 盤上漲。

在三大市場上，外資仍然賣超 2,890 億盾。集中拋售 SHB (3030 億盾) 和 STB (130 億盾)。相反集中購買 ACV (177 億盾)，VCB (129 億盾)。

市場短期觀點

我們認為，市場可能會在 VN-Index 的 890-895 點的價格範圍內窄幅波動，並且現金流可能仍會在各類股之間分散。中型股和小型股在下一盤可能會面臨修正壓力，並且市場仍處於積累期，因此現金流可能仍專注於每檔股票的趨勢。同時，股票比例略有增加，這表明投資機會仍然存在，但並不多。

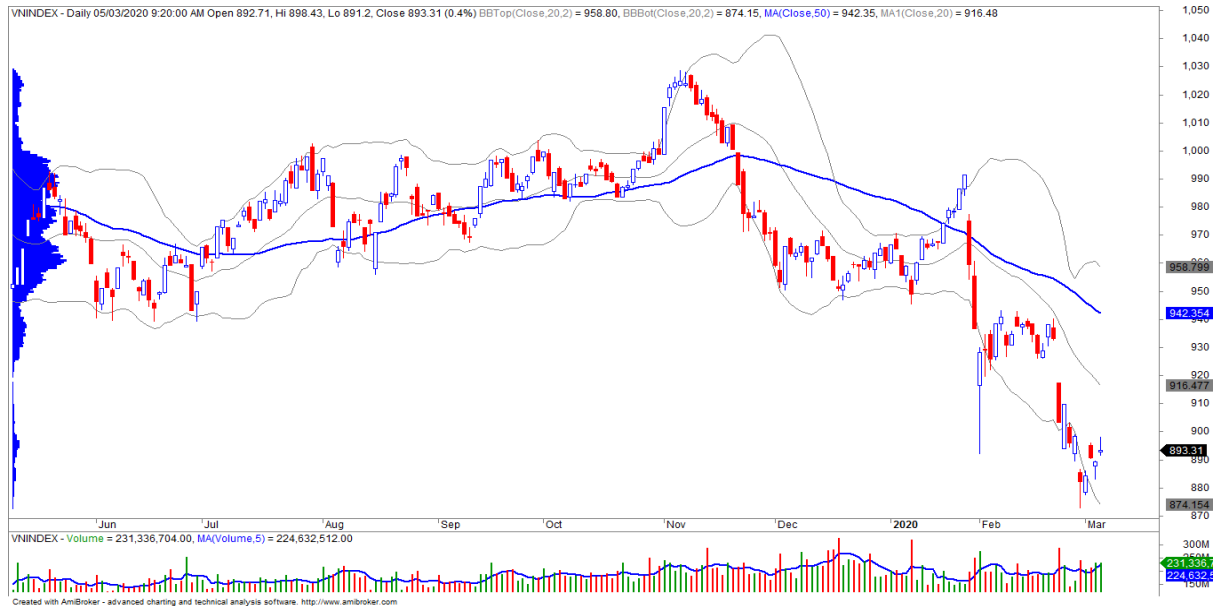
我們的趨勢指標系統維持 VN-Index 的短期下跌趨勢，阻力位在 906.55 點，和 HNX-Index 的短期上漲趨勢，支撐位於 110.13 點。因此，我們建議短期投資者遠離市場，只應考慮在建議的水平上以低比例進行投資。

建議短線投資比重：35%股票/65%現金。

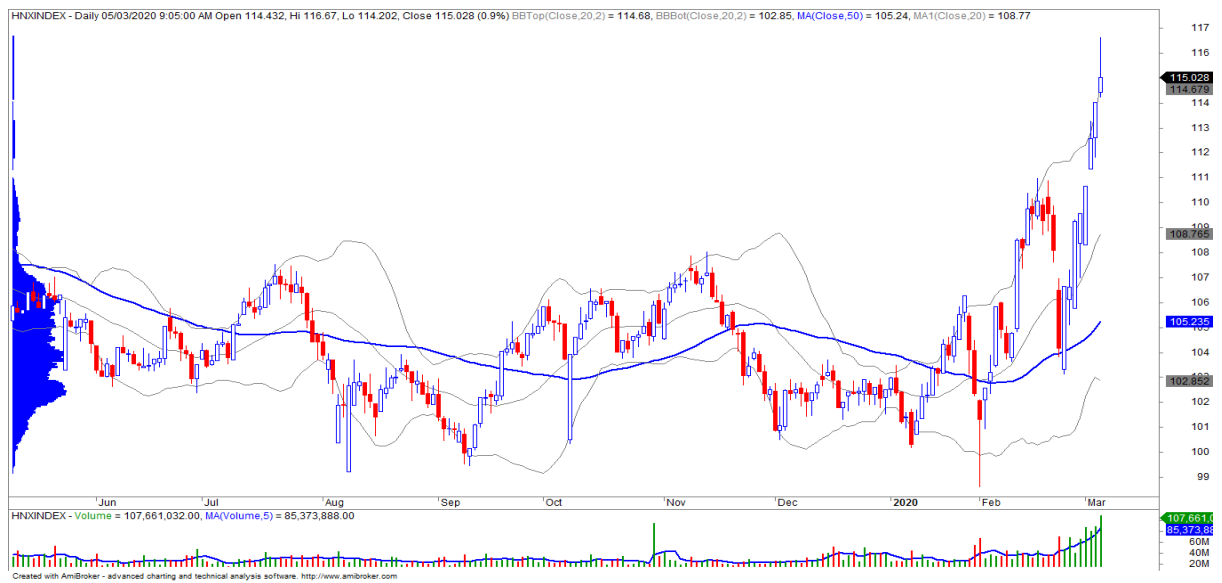
(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)

We Create Fortune

## 技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	下跌	下跌	997	1,000	988	953
HNX-Index	上漲	下跌	106	108	99	90
VN30	下跌	下跌	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	下跌	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	下跌	835	845	822	804

We Create Fortune

## 股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	12.60	GIẢM	TĂNG		13.18			12.35	11.21	2.02%	MUA
ACB	25.60	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	23.02	6.67%	
ACV	61.00	TĂNG	GIẢM	57.00	52.41	7.02%			67.00		
ANV	17.75	GIẢM	GIẢM		18.47				21.46		
ASM	5.68	TĂNG	GIẢM	5.80	5.49	-2.07%			6.62		
BFC	12.05	TĂNG	GIẢM	11.20	11.50	7.59%			12.24		
BID	46.65	GIẢM	GIẢM		49.10			33.40	49.22	47.36%	BÁN
BMP	41.90	GIẢM	GIẢM		43.15				45.49		
BSR	8.30	TĂNG	GIẢM	7.90	7.25	5.06%			8.84		
BVH	55.20	GIẢM	GIẢM		58.51				64.91		
BWE	20.50	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.65				9.26		
CII	22.70	GIẢM	GIẢM		22.79			26.00	22.83	-12.20%	BÁN
CMG	30.90	GIẢM	GIẢM		32.55				34.69		
CMX	12.75	GIẢM	TĂNG		13.35			13.50	9.24	-5.56%	
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	14.70	14.27	2.04%		12.25	14.75	22.45%	MUA
CTD	67.20	TĂNG	TĂNG	68.40	63.64	-1.75%		64.20	56.00	4.67%	
CTG	26.15	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	11.04%	
CTR	45.50	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-5.60%		49.70	40.69	-8.45%	
CVT	19.00	GIẢM	GIẢM		19.78				21.66		
DCM	6.18	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	4.22%		6.18	5.63	0.00%	
DGC	24.40	GIẢM	GIẢM		25.11				26.93		
DGW	26.30	GIẢM	TĂNG		26.96			25.20	24.11	4.37%	
DHA	32.20	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	1.10%			32.52		
DHC	39.40	TĂNG	TĂNG	38.50	35.83	2.34%		37.70	36.02	4.51%	
DHG	93.90	GIẢM	TĂNG		98.42			99.50	88.63	-5.63%	
DIG	13.25	TĂNG	TĂNG	13.60	12.47	-2.57%		12.55	11.62	5.58%	MUA
DPG	29.20	GIẢM	GIẢM		30.23				32.83		
DPM	12.60	TĂNG	GIẢM	12.75	11.92	-1.18%			12.75		
DPR	37.70	GIẢM	TĂNG		39.85			41.30	36.21	-8.72%	
DQC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.53				15.72		
DRC	22.15	GIẢM	GIẢM		23.44				25.96		
DXG	12.85	TĂNG	GIẢM	12.95	11.65	-0.77%			13.70		
EIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-2.81%		18.40	16.46	-5.98%	



We Create Fortune

FCN	9.53	GIẢM	GIẢM		9.75				10.51		
FMC	23.20	GIẢM	GIẢM		23.93				26.56		
FPT	54.60	TĂNG	GIẢM	56.00	53.48	-2.50%			56.69		
GAS	78.10	GIẢM	GIẢM		81.02				92.82		
GEX	17.10	GIẢM	GIẢM		18.69				20.45		
GIL	18.60	GIẢM	TĂNG		20.25			18.90	17.41	-1.59%	
GMD	19.20	GIẢM	GIẢM		19.95				21.10		
GTN	16.75	GIẢM	GIẢM		17.83				19.23		
GVR	12.60	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	6.78%			12.77		
HAG	3.48	TĂNG	GIẢM	3.52	3.16	-1.14%			3.97		
HAX	11.90	GIẢM	GIẢM		12.60				16.30		
HBC	10.70	GIẢM	GIẢM		10.93				12.07		
HCM	18.15	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDB	28.00	GIẢM	TĂNG		29.00			29.95	25.76	-6.51%	
HDC	20.10	GIẢM	GIẢM		21.15				23.28		
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.03				29.65		
HNG	13.35	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.35	GIẢM	GIẢM		23.48			23.85	23.23	-2.62%	BÁN
HSG	7.70	GIẢM	TĂNG		8.11			7.75	7.52	-0.65%	
HT1	13.70	GIẢM	GIẢM		14.86			16.90	13.91	-17.69%	
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.19				2.58		
HVN	25.80	TĂNG	GIẢM	24.25	21.47	6.39%			30.32		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.08			14.37	14.21	3.70%	BÁN
KDH	24.80	GIẢM	GIẢM		25.00				26.24		
KSB	20.30	TĂNG	TĂNG	19.65	18.98	3.31%		19.65	15.18	3.31%	MUA
LCG	6.40	GIẢM	GIẢM		6.66				7.57		
LDG	6.45	TĂNG	GIẢM	6.66	5.71	-3.15%			7.94		
LHG	14.55	GIẢM	GIẢM		14.87				16.11		
LPB	8.70	TĂNG	TĂNG	7.90	8.44	10.13%		7.40	6.18	17.57%	
MBB	20.65	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MPC	22.40	TĂNG	TĂNG	22.00	20.77	1.82%		24.10	19.14	-7.05%	
MSN	50.90	GIẢM	GIẢM		51.45				56.41		
MSR	14.80	TĂNG	GIẢM	15.00	13.81	-1.33%			16.05		
MWG	105.50	GIẢM	GIẢM		109.78				118.39		
NDN	15.90	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	3.25%			16.36		
NKG	8.25	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		
NLG	26.25	TĂNG	GIẢM	26.25	25.92	0.00%	MUA	28.70	28.61	-0.32%	BÁN
NT2	19.90	GIẢM	TĂNG		20.29			20.55	18.73	-3.16%	
NTL	20.30	GIẢM	GIẢM		21.54				23.30		

We Create Fortune

NVL	53.90	GIẢM	GIẢM		55.39				58.55		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.17				8.38		
PAC	23.00	GIẢM	GIẢM		23.90				25.39		
PC1	15.15	GIẢM	GIẢM		15.32				17.81		
PDR	26.05	TĂNG	TĂNG	26.50	25.30	-1.70%		29.00	25.19	-10.17%	
PHR	47.70	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	23.90%		47.20	34.83	1.06%	MUA
PLX	50.30	GIẢM	GIẢM		52.45				55.87		
PNJ	81.70	GIẢM	GIẢM		85.03				89.93		
POW	10.20	GIẢM	GIẢM		10.58				11.22		
PVT	12.55	GIẢM	GIẢM		12.78				14.77		
PPC	27.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	0.75%		28.40	24.97	-4.93%	
PTB	63.00	GIẢM	GIẢM		66.42				72.44		
PVB	15.10	GIẢM	GIẢM		16.05				18.20		
PVD	12.40	GIẢM	GIẢM		12.76				14.83		
PVI	30.80	GIẢM	GIẢM		31.97				33.18		
PVS	15.20	GIẢM	GIẢM		16.00				18.18		
PXS	4.60	GIẢM	GIẢM		5.07			6.20	4.92	-20.71%	
QNS	26.40	GIẢM	TĂNG		26.42			28.48	26.05	-7.29%	BÁN
REE	32.20	GIẢM	GIẢM		33.69				36.65		
SAB	169.00	GIẢM	GIẢM		177.71				206.16		
SAM	9.80	GIẢM	TĂNG		10.20			7.40	8.90	32.43%	
SCR	5.13	GIẢM	GIẢM		5.37				5.86		
SHI	8.98	GIẢM	TĂNG		9.13			6.99	8.30	28.47%	
SJS	19.80	GIẢM	TĂNG		20.90			17.00	16.25	16.47%	
SKG	11.20	TĂNG	GIẢM	11.20	11.06	0.00%	MUA		12.46		
SSI	16.80	GIẢM	GIẢM		16.96				19.29		
STB	12.20	TĂNG	TĂNG	12.35	11.53	-1.21%		10.20	10.31	19.61%	
TCB	22.30	GIẢM	GIẢM		23.03				23.81		
TCM	18.10	GIẢM	GIẢM		19.23			21.53	18.41	-14.47%	BÁN
TDH	9.50	GIẢM	GIẢM		9.98				10.67		
TLH	3.27	GIẢM	GIẢM		3.37				3.97		
TNG	14.20	GIẢM	TĂNG		14.99			15.50	13.32	-8.39%	
VCB	83.10	GIẢM	GIẢM		84.94			61.45	86.74	41.14%	BÁN
VCG	25.50	TĂNG	GIẢM	24.50	24.73	4.08%			26.70		
VCS	68.00	GIẢM	GIẢM		72.41				77.55		
VGC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.66	2.21%			18.80		
VGT	8.30	GIẢM	TĂNG		8.73			9.10	7.69	-8.79%	
VHC	32.05	GIẢM	GIẢM		33.63				38.00		
VHM	81.00	GIẢM	GIẢM		83.24				91.72		

We Create Fortune

VIB	18.20	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	0.00%		17.70	16.76	2.82%	
VIC	105.60	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.00%			113.04		
VIP	5.14	GIẢM	TĂNG		5.32			5.54	4.93	-7.22%	
VJC	123.00	GIẢM	GIẢM		123.76				136.53		
VND	13.75	GIẢM	TĂNG		14.21			14.70	13.53	-6.46%	BÁN
VNG	16.15	GIẢM	GIẢM		16.77				19.79		
VNM	104.50	GIẢM	GIẢM		109.84				116.15		
VPB	27.85	GIẢM	TĂNG		28.91			21.90	24.70	27.17%	
VPI	41.55	GIẢM	TĂNG		42.59			41.30	40.58	0.61%	
VRC	6.50	GIẢM	GIẢM		7.41				9.77		
VRE	28.60	GIẢM	GIẢM		29.89				33.88		
VSC	24.50	GIẢM	TĂNG		24.80			27.00	24.46	-9.26%	BÁN

### LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	25.60	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	23.02	6.67%	
BID	46.65	GIẢM	GIẢM		49.10			33.40	49.22	47.36%	BÁN
BSR	8.30	TĂNG	GIẢM	7.90	7.25	5.06%			8.84		
BVH	55.20	GIẢM	GIẢM		58.51				64.91		
CTG	26.15	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	11.04%	
FPT	54.60	TĂNG	GIẢM	56.00	53.48	-2.50%			56.69		
GAS	78.10	GIẢM	GIẢM		81.02				92.82		
GEX	17.10	GIẢM	GIẢM		18.69				20.45		
GVR	12.60	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	6.78%			12.77		
HDB	28.00	GIẢM	TĂNG		29.00			29.95	25.76	-6.51%	
HNG	13.35	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.35	GIẢM	GIẢM		23.48			23.85	23.23	-2.62%	BÁN
HVN	25.80	TĂNG	GIẢM	24.25	21.47	6.39%			30.32		
KDH	24.80	GIẢM	GIẢM		25.00				26.24		
MBB	20.65	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	50.90	GIẢM	GIẢM		51.45				56.41		
MWG	105.50	GIẢM	GIẢM		109.78				118.39		
NVL	53.90	GIẢM	GIẢM		55.39				58.55		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.17				8.38		
PLX	50.30	GIẢM	GIẢM		52.45				55.87		
PNJ	81.70	GIẢM	GIẢM		85.03				89.93		

We Create Fortune

POW	10.20	GIẢM	GIẢM		10.58			11.22		
QNS	26.40	GIẢM	TĂNG		26.42		28.48	26.05	-7.29%	BÁN
REE	32.20	GIẢM	GIẢM		33.69			36.65		
ROS	7.45	GIẢM	GIẢM		8.53			11.75		
SBT	20.85	GIẢM	TĂNG		22.10		17.50	19.55	19.14%	
SSI	16.80	GIẢM	GIẢM		16.96			19.29		
STB	12.20	TĂNG	TĂNG	12.35	11.53	-1.21%	10.20	10.31	19.61%	
TCB	22.30	GIẢM	GIẢM		23.03			23.81		
TPB	22.00	TĂNG	GIẢM	21.90	20.57	0.46%		23.94		
VCB	83.10	GIẢM	GIẢM		84.94		61.45	86.74	41.14%	BÁN
VCG	25.50	TĂNG	GIẢM	24.50	24.73	4.08%		26.70		
VCS	68.00	GIẢM	GIẢM		72.41			77.55		
VEA	39.90	GIẢM	GIẢM		41.55			59.45		
VGI	27.50	GIẢM	TĂNG		29.76		28.30	24.29	-2.83%	
VHM	81.00	GIẢM	GIẢM		83.24			91.72		
VIB	18.20	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	0.00%	15.00	16.76	21.30%	
VIC	105.60	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.00%		113.04		
VJC	123.00	GIẢM	GIẢM		123.76			136.53		
VNM	104.50	GIẢM	GIẢM		109.84			116.15		
VPB	27.85	GIẢM	TĂNG		28.91		21.90	24.70	27.17%	
VRE	28.60	GIẢM	GIẢM		29.89			33.88		

### MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	12.60	GIẢM	TĂNG		13.18			13.30	11.21	-5.26%	
ANV	17.75	GIẢM	GIẢM		18.47				21.46		
ASM	5.68	TĂNG	GIẢM	5.80	5.49	-2.07%			6.62		
BMI	22.50	GIẢM	GIẢM		23.27				26.23		
BMP	41.90	GIẢM	GIẢM		43.15				45.49		
BWE	20.50	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.65				9.26		
CII	22.70	GIẢM	GIẢM		22.79			26.00	22.83	-12.20%	BÁN
CRE	22.40	GIẢM	GIẢM		22.83				23.60		
CTI	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	20.52	-1.35%			23.07		
CTR	45.50	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-5.60%		43.70	40.69	4.12%	

We Create Fortune

D2D	60.90	TĂNG	TĂNG	54.90	58.12	10.93%		64.00	46.10	-4.84%	
DBD	47.80	GIẢM	GIẢM		50.99				57.36		
DCM	6.18	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	4.22%		6.18	5.63	0.00%	
DGW	26.30	GIẢM	TĂNG		26.96			25.20	24.11	4.37%	
DHC	39.40	TĂNG	TĂNG	38.50	35.83	2.34%		37.70	36.02	4.51%	
DIG	13.25	TĂNG	TĂNG	13.60	12.47	-2.57%		13.20	11.62	0.38%	
DPG	29.20	GIẢM	GIẢM		30.23				32.83		
DPM	12.60	TĂNG	GIẢM	12.75	11.92	-1.18%			12.75		
DRC	22.15	GIẢM	GIẢM		23.44				25.96		
DXG	12.85	TĂNG	GIẢM	12.95	11.65	-0.77%			13.70		
E1VFN30	13.95	TĂNG	GIẢM	14.68	13.84	-4.97%			15.42		
FCN	9.53	GIẢM	GIẢM		9.75				10.51		
FLC	4.21	TĂNG	GIẢM	4.14	3.71	1.69%			4.74		
GEG	23.55	TĂNG	GIẢM	22.45	20.25	4.90%			26.06		
GMD	19.20	GIẢM	GIẢM		19.95				21.10		
GTN	16.75	GIẢM	GIẢM		17.83				19.23		
HAG	3.48	TĂNG	GIẢM	3.52	3.16	-1.14%			3.97		
HBC	10.70	GIẢM	GIẢM		10.93				12.07		
HCM	18.15	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDC	20.10	GIẢM	GIẢM		21.15				23.28		
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.03				29.65		
HPX	27.00	GIẢM	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.70	GIẢM	TĂNG		8.11			7.75	7.52	-0.65%	
HT1	13.70	GIẢM	GIẢM		14.86			16.90	13.91	-17.69%	
HTM	15.90	GIẢM	TĂNG		17.42			20.00	15.34	-20.50%	
IBC	20.75	TĂNG	GIẢM	20.80	20.32	-0.24%			21.22		
IDI	4.45	TĂNG	GIẢM	4.45	4.15	0.00%			4.85		
IJC	13.25	GIẢM	GIẢM		13.94				15.38		
ITA	2.34	GIẢM	GIẢM		2.39				2.57		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.08			14.85	14.21	0.36%	BÁN
KDC	18.30	GIẢM	GIẢM		18.85				20.22		
KOS	28.40	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	7.98%	
KSB	20.30	TĂNG	TĂNG	19.65	18.98	3.31%		19.10	15.18	6.28%	
LDG	6.45	TĂNG	GIẢM	6.66	5.71	-3.15%			7.94		
LPB	8.70	TĂNG	TĂNG	7.90	8.44	10.13%		7.40	6.18	17.57%	
MBG	17.70	TĂNG	GIẢM	17.70	17.13	0.00%	MUA		26.71		
MBS	10.90	GIẢM	GIẢM		11.64				13.43		
MPC	22.40	TĂNG	TĂNG	22.00	20.77	1.82%		24.10	19.14	-7.05%	

We Create Fortune

NBB	19.25	GIẢM	GIẢM		19.86				22.02		
NKG	8.25	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		
NLG	26.25	TĂNG	GIẢM	26.25	25.92	0.00%	MUA		28.61		
NT2	19.90	GIẢM	TĂNG		20.29			20.55	18.73	-3.16%	
NTL	20.30	GIẢM	GIẢM		21.54				23.30		
NVB	8.90	GIẢM	TĂNG		9.32			8.50	8.62	4.71%	
OGC	3.39	GIẢM	GIẢM		3.45				3.80		
PC1	15.15	GIẢM	GIẢM		15.32				17.81		
PDR	26.05	TĂNG	TĂNG	26.50	25.30	-1.70%		23.59	25.19	10.40%	
PHR	47.70	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	23.90%		47.20	34.83	1.06%	
PPC	27.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	0.75%		28.40	24.97	-4.93%	
PTB	63.00	GIẢM	GIẢM		66.42				72.44		
PVD	12.40	GIẢM	GIẢM		12.76				14.83		
PVI	30.80	GIẢM	GIẢM		31.97				33.18		
PVS	15.20	GIẢM	GIẢM		16.00				18.18		
PVT	12.55	GIẢM	GIẢM		12.78				14.77		
QCG	5.58	TĂNG	TĂNG	4.00	4.81	39.50%		4.28	4.13	30.37%	MUA
SCR	5.13	GIẢM	GIẢM		5.37				5.86		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.69				7.68		
SHB	12.90	TĂNG	TĂNG	8.00	10.06	61.25%		7.10	6.10	81.69%	
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.20	7.69	18.06%		7.90	7.73	7.59%	MUA
SZC	17.70	GIẢM	GIẢM		18.11			17.85	17.81	-0.25%	MUA
TCH	32.90	GIẢM	GIẢM		35.54			26.15	40.52	54.94%	BÁN
TCM	18.10	GIẢM	GIẢM		19.23			21.53	18.41	-14.47%	BÁN
TDH	9.50	GIẢM	GIẢM		9.98				10.67		
TNG	14.20	GIẢM	TĂNG		14.99			15.50	13.32	-8.39%	
TTB	3.53	GIẢM	GIẢM		3.67				5.49		
VGC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.66	2.21%			18.80		
VGT	8.30	GIẢM	TĂNG		8.73			9.10	7.69	-8.79%	
VHC	32.05	GIẢM	GIẢM		33.63				38.00		
VND	13.75	GIẢM	TĂNG		14.21			14.70	13.53	-6.46%	BÁN
VNG	16.15	GIẢM	GIẢM		16.77				19.79		
VPI	41.55	GIẢM	TĂNG		42.59			41.30	40.58	0.61%	

We Create Fortune

SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	6.80	GIẢM	GIẢM		7.18				8.16		
AGR	3.38	GIẢM	GIẢM		3.45				3.77		
AMD	2.86	TĂNG	TĂNG	2.35	2.39	21.70%			2.28		
APG	9.80	GIẢM	TĂNG		10.21			9.90	9.37	-1.01%	
ART	2.70	TĂNG	TĂNG	2.80	2.36	-3.57%		2.30	2.12	17.39%	
BCG	6.63	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	0.61%			7.34		
C4G	5.50	GIẢM	GIẢM		6.03				6.98		
C69	6.70	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	6.35%			10.52		
CCL	6.31	GIẢM	GIẢM		6.36				7.40		
CVT	19.00	GIẢM	GIẢM		19.78				21.66		
DAH	8.80	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.91	GIẢM	GIẢM		1.98				2.21		
DRH	6.63	TĂNG	TĂNG	3.63	5.77	82.64%		4.70	3.07	41.06%	
DTD	12.80	TĂNG	TĂNG	10.80	11.18	18.52%		12.40	11.67	3.23%	MUA
EVG	2.61	TĂNG	GIẢM	2.55	2.34	2.35%			2.73		
FIT	6.75	GIẢM	GIẢM		7.74				9.74		
FTM	2.00	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	8.70%			2.92		
FUESS V50	12.30	GIẢM	GIẢM		12.40				12.91		
GKM	15.80	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	5.33%		14.90	14.87	6.04%	
HAH	10.60	GIẢM	GIẢM		11.25				11.79		
HAI	3.24	TĂNG	GIẢM	3.04	2.67	6.58%			3.33		
HAR	3.31	TĂNG	GIẢM	3.52	3.03	-5.97%			4.02		
HDA	8.00	GIẢM	GIẢM		8.12				9.68		
HHP	13.30	TĂNG	TĂNG	13.80	12.48	-3.62%			13.13		
HHS	5.13	TĂNG	TĂNG	4.79	4.66	7.10%		3.36	3.91	52.68%	
HID	2.93	TĂNG	TĂNG	2.36	2.54	24.15%		2.63	2.16	11.41%	
HII	13.25	TĂNG	TĂNG	9.61	12.75	37.88%		11.00	10.35	20.45%	
HQC	1.08	GIẢM	GIẢM		1.10				1.15		
HSL	5.87	GIẢM	GIẢM		6.30				7.43		
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.19				2.58		
HVG	6.51	GIẢM	GIẢM		7.56			3.90	6.94	78.05%	BÁN
HVH	11.00	GIẢM	GIẢM		11.46				14.11		
IDJ	17.10	GIẢM	TĂNG		19.17			7.20	9.82	137.50%	

We Create **Fortune**

JVC	3.34	GIẢM	GIẢM		3.65			3.79		
KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.60	1.33	0.00%		1.50	1.33	6.67%
LCG	6.40	GIẢM	GIẢM		6.66			7.57		
LGL	5.70	GIẢM	GIẢM		6.49			7.41		
LHG	14.55	GIẢM	GIẢM		14.87			16.11		
LMH	2.02	GIẢM	GIẢM		2.42			4.36		
MST	6.60	TĂNG	TĂNG	6.90	6.05	-4.35%		3.40	5.46	94.12%
NDN	15.90	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	3.25%			16.36	
PHC	10.65	GIẢM	GIẢM		10.91			11.50		
PLP	10.05	TĂNG	GIẢM	10.05	8.61	0.00%			10.52	
PVB	15.10	GIẢM	GIẢM		16.05			18.20		
PVC	6.10	GIẢM	GIẢM		6.54			6.78		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17			1.30		
PXL	8.30	TĂNG	TĂNG	8.10	8.14	2.47%		6.70	6.66	23.88%
SHI	8.98	GIẢM	TĂNG		9.13			5.77	8.30	55.76%
SJF	1.61	GIẢM	GIẢM		1.74			2.06		
SPP	1.60	GIẢM	GIẢM		1.67			2.13		
TDC	8.13	GIẢM	GIẢM		8.29			8.84		
TIG	7.40	TĂNG	TĂNG	6.40	6.74	15.63%		3.20	5.59	131.25%
TLH	3.27	GIẢM	GIẢM		3.37			3.97		
TNA	18.25	GIẢM	GIẢM		19.12			21.92		
TNI	10.05	GIẢM	TĂNG		10.28			10.90	9.99	-7.80%
TSC	2.20	GIẢM	GIẢM		2.35			2.94		
TTF	2.81	TĂNG	TĂNG	2.58	2.64	8.91%		2.85	2.40	-1.40%
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.71			2.88		
TVC	28.50	GIẢM	TĂNG		30.91			14.30	26.65	99.30%
VC3	16.20	GIẢM	GIẢM		16.77			14.24	16.32	14.67%
VCR	11.80	GIẢM	TĂNG		13.08			12.90	7.61	-8.53%
VNA	2.70	GIẢM	GIẢM	3.10	2.70	-12.77%	BÁN		3.80	
VNE	3.91	GIẢM	TĂNG	3.85	3.95	2.55%	BÁN		3.70	
VRC	6.50	GIẢM	GIẢM		7.41				9.77	



We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	893.31	0.44%
VN30	839.12	0.13%
VN Mid	877.69	0.01%
VN Small	733.59	0.14%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	115.03	0.89%
HN30	210.72	1.84%
VNX AllSh	800.58	0.12%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	55.45	-0.16%

外資交易	成交值(十億盾)
買進	432.73
賣出	443.28
買超/賣超	-10.55

外資交易	成交值(十億盾)
買進	10.59
賣出	314.04
買超/賣超	-303.44

外資交易	成交值(十億盾)
買進	46.85
賣出	22.51
買超/賣超	24.34

上漲排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
SCS	7300	6.99%
BCG	430	6.94%
YEG	5100	6.92%
QCG	360	6.90%
PME	4000	6.88%

上漲排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
MBG	1600	9.94%
SHB	900	7.50%
CEO	200	2.44%
NDN	300	1.92%
SHS	100	1.19%

上漲排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
ACV	2700	4.63%
BSR	300	3.75%
QNS	900	3.53%
OIL	100	1.45%
CTR	600	1.34%

下跌排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
ROS	-510	-6.41%
FIT	-450	-6.25%
LDG	-210	-3.15%
DLG	-60	-3.05%
HT1	-400	-2.84%

下跌排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
HUT	-100	-4.76%
IDJ	-500	-2.84%
TVC	-500	-1.72%
AMV	-300	-1.55%
PVS	-200	-1.30%

下跌排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
LPB	-600	-6.45%
PXL	-200	-2.35%
G36	-100	-1.85%
DVN	-100	-0.83%
QTP	-100	-0.82%

\*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	356,846
VCB	303,015
VHM	264,806
BID	185,616
VNM	182,496

市值排名/股碼	十億盾
ACB	42,738
SHB	21,064
VCG	11,264
VCS	10,752
PVS	7,361

市值排名/股碼	十億盾
ACV	126,856
VEA	52,640
GVR	50,772
MCH	47,230
BCM	25,739

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
FLC	25,464,040	7,855,122
STB	17,517,480	12,409,890
HAI	13,556,880	4,394,280
DLG	8,410,980	6,465,666
VPB	8,146,190	4,602,922

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
SHB	65,589,953	20,421,418
ART	6,398,522	1,893,581
ACB	5,996,180	5,375,597
KLF	5,950,699	1,235,272
SHS	3,266,328	956,311

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
LPB	5,784,372	2,340,524
BSR	3,968,743	1,558,571
VIB	1,430,847	1,513,414
GVR	1,055,957	768,505
ACV	569,317	145,329

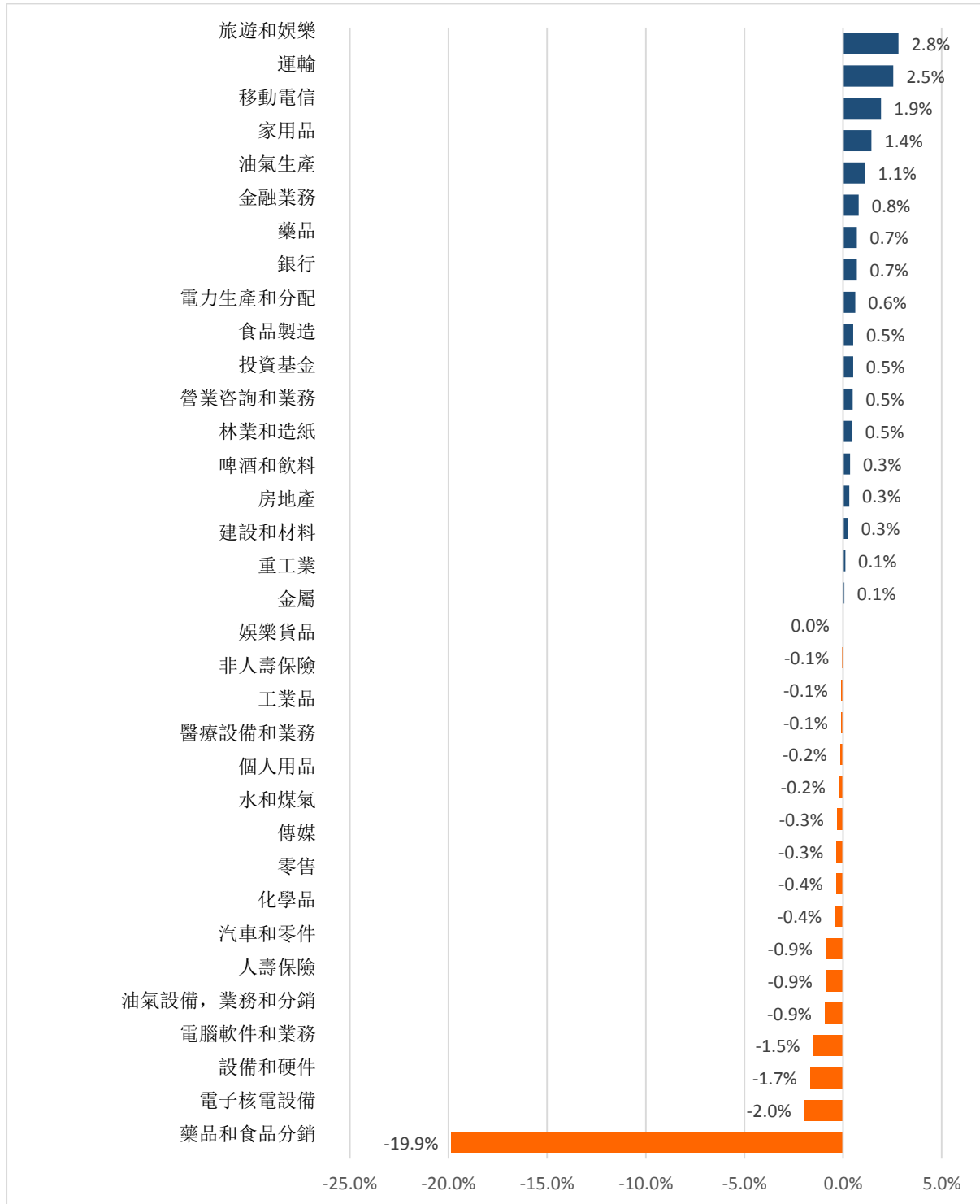
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

## 各行業板塊的交易走勢



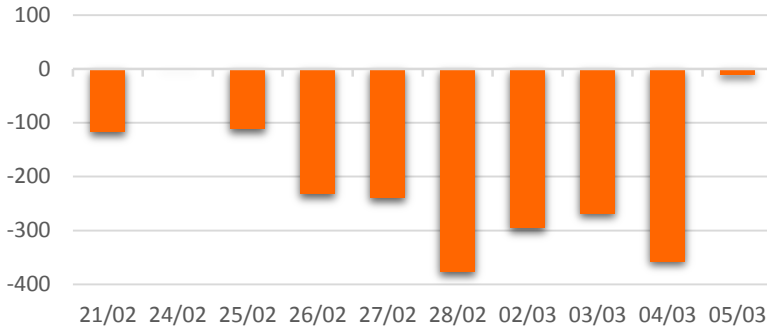
資料源: FinPro - YSVN



We Create Fortune

## 外資買進賣統計

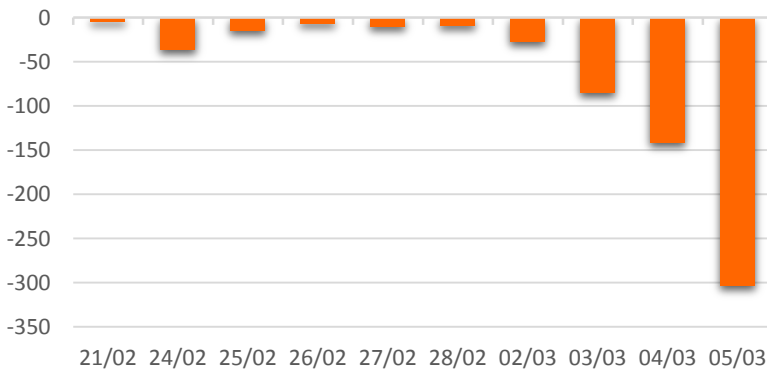
HSX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
<b>VCB</b>	12,923	<b>STB</b>	13,127
<b>VHM</b>	11,192	<b>HPG</b>	10,328
<b>BID</b>	9,788	<b>CTG</b>	7,725
<b>VCI</b>	6,486	<b>FRT</b>	6,096
<b>SSI</b>	6,103	<b>HDB</b>	4,778

HSX 外資買/賣超的前 5 名

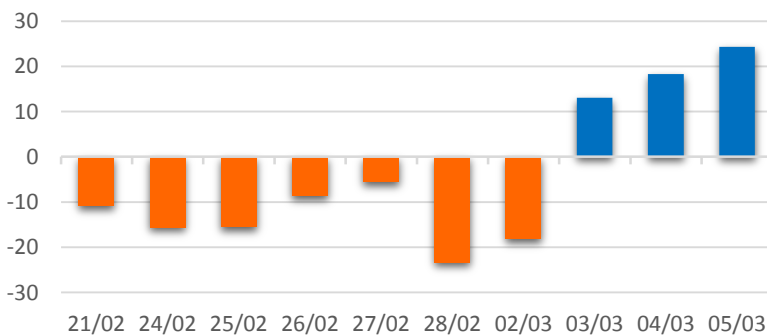
HNX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
<b>VCB</b>	12,923	<b>STB</b>	13,127
<b>VHM</b>	11,192	<b>HPG</b>	10,328
<b>BID</b>	9,788	<b>CTG</b>	7,725
<b>VCI</b>	6,486	<b>FRT</b>	6,096
<b>SSI</b>	6,103	<b>HDB</b>	4,778

HNX 外資買/賣超的前 5 名

UPCOM 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
<b>ACV</b>	17,704	<b>NTC</b>	4,482
<b>BSR</b>	9,892	<b>GVR</b>	561
<b>LPB</b>	1,780	<b>VEA</b>	408
<b>MCH</b>	472	<b>VNA</b>	352
<b>LTG</b>	185	<b>ABI</b>	142

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro - YSVN



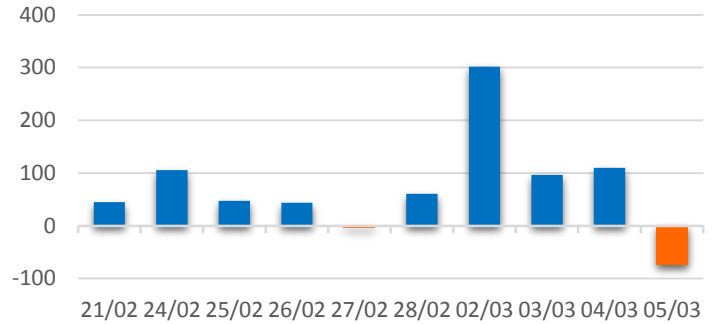
We Create **Fortune**

### 自營進出統計

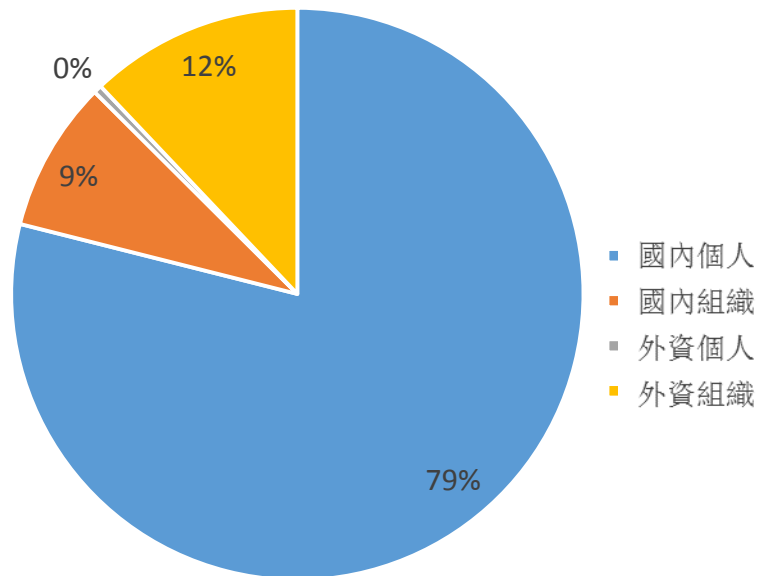
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
CAV	55,620	VPB	20,298
FPT	11,857	MBB	14,945
MWG	6,939	VNM	14,557
TCB	5,396	TCB	12,039
VCB	4,572	VIC	11,324

券商自營交易最大前名

### 券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



### 越南證券市場投資人類別統計

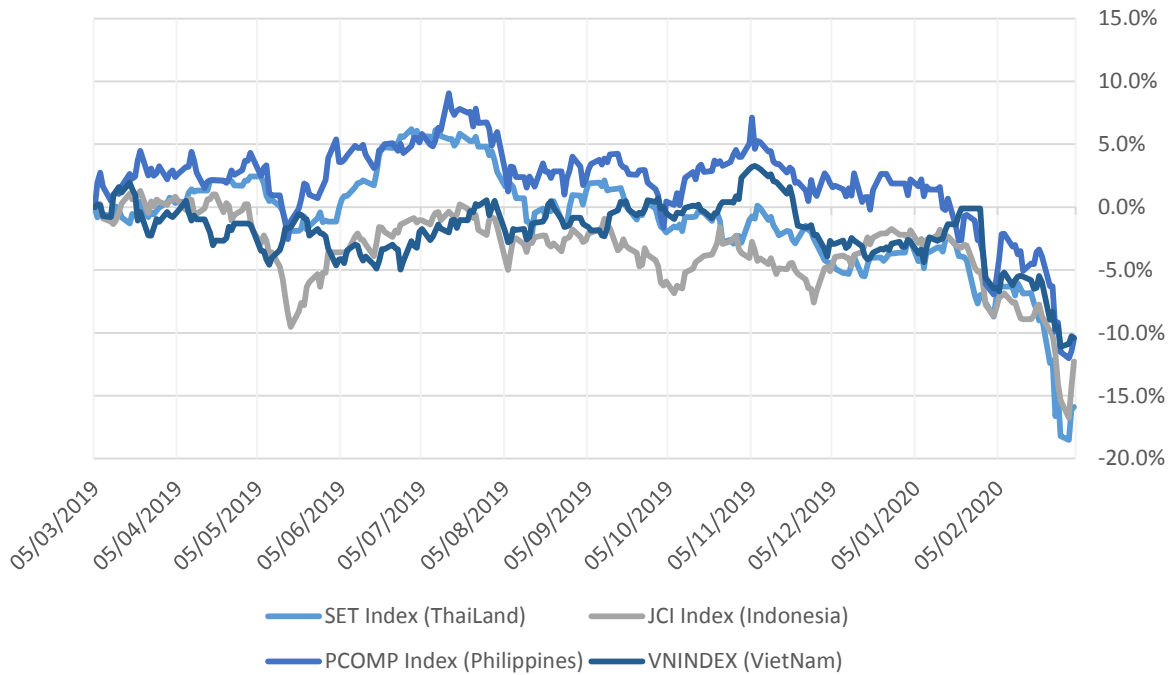


資料源: FinPro - YSVN



We Create Fortune

### 東南亞主要市場走勢比較

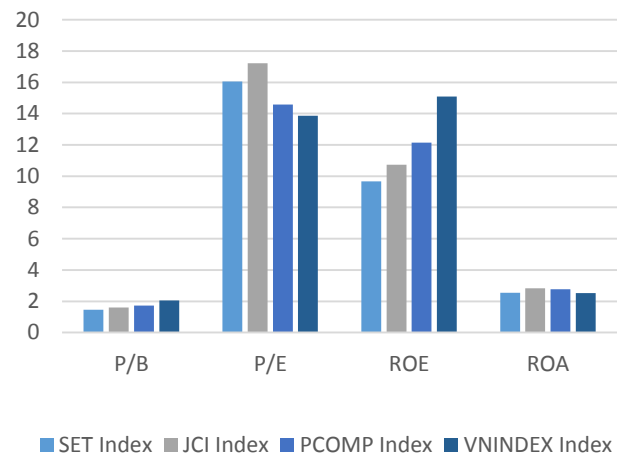


### 東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.5x	1.6x	1.7x	2.1x
P/E		16.3x	17.3x	14.6x	13.9x
ROE	%	9.66	10.63	12.16	15.10
ROA	%	2.55	2.80	2.77	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	469.17	463.10	169.03	131.21
GTGD	Triệu USD	1.60	0.39	0.08	0.11
LS cổ tức	%	3.63	2.82	1.81	2.23

YSVN

源：  
B  
l  
o  
o  
m  
B  
e  
r  
g  
&





We Create **Fortune**

## 元大證券（越南）公司

### 個人客戶分析部

**Nguyễn Thế Minh**

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

研究分析主管

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

### 個人客戶業務部

**Nguyễn Thanh Tùng**

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

頭頓分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

[tuun.vo@yuanta.com.vn](mailto:tuun.vo@yuanta.com.vn)

**Nguyễn Đức Hoàn**

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written